

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/LĐ-PT

Ngày: 16-8-2022

*V/v tranh chấp về tiền lương, bảo  
hiểm xã hội và yêu cầu bồi thường  
thiệt hại về kinh tế*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hòa

*Các Thẩm phán:* Bà Đỗ Thu Hương

Bà Bùi Thị Thu Hằng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Khánh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động phúc thẩm thụ lý số: 03/2022/TLPT-LĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022, về việc “*Tranh chấp về tiền lương, bảo hiểm xã hội và yêu cầu bồi thường thiệt hại về kinh tế*”.

Do bản án lao động sơ thẩm số: 01/2022/LĐ-ST ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2022/QĐ-PT ngày 28/7/2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Vũ Văn L, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên (có mặt).

**2. Bị đơn:** Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên.

Địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố Thắng Lợi 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Tuyết B, chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị Thanh H, chức vụ: Trưởng phòng Nội vụ huyện T, tỉnh Điện Biên (theo văn bản ủy quyền số 770/UBND-NV ngày 01/9/2021 của UBND huyện T) (vắng mặt).

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn T, chức vụ: Chủ tịch UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

- Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị Nguyệt M, chức vụ: Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

**4. Người kháng cáo:** Ông Vũ Văn L, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên - Là nguyên đơn (có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**1. Trong đơn khởi kiện ngày 28/7/2022; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 06/8/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:**

Ông Vũ Văn L được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện T bổ nhiệm chức danh Phó chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự thị trấn T từ tháng 5 năm 2005 theo Quyết định số: 336/QĐ-CT ngày 22/4/2005 của Chủ tịch UBND huyện T, ông được hưởng lương hệ số lương 1,86 từ ngày 01/5/2005 theo Nghị định số: 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ và được đóng bảo hiểm xã hội.

Đến ngày 26/10/2005 UBND huyện T ban hành Quyết định số: 1433/QĐ-CT về việc bố trí và tạm thời xếp phụ cấp cho cán bộ không chuyên trách cấp xã, thị trấn, theo đó xếp phụ cấp cho ông được hưởng mức phụ cấp 210.000 đồng/1 tháng kể từ ngày 01/5/2005 và thu hồi tiền lương cùng các khoản phụ cấp khác ông đã được hưởng và không đóng bảo hiểm xã hội cho ông.

Tháng 11/2012 UBND huyện T ban hành Quyết định số: 1852/QĐ-CT về việc cho hưởng phụ cấp thâm niên đặc thù quốc phòng, hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội mức 1/3, thực hiện quyết định chế độ phụ cấp ông nhận đủ nhưng không được hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội.

Đến tháng 12/2019 ông nghỉ công tác theo Quyết định số: 2621/QĐ-CT ngày 12/12/2019 về việc miễn nhiệm chức vụ Phó chỉ huy trưởng quân sự cấp xã.

Ông Vũ Văn L khởi kiện yêu cầu UBND huyện T chi trả cho ông các khoản sau:

- Yêu cầu thanh toán tiền lương theo hệ số lương 1,86 thời gian từ tháng 11/2005 đến 31/12/2009 theo Quyết định số: 336/QĐ-CT ngày 22/4/2005 của Chủ tịch UBND huyện T là 50 tháng tính theo mức lương cơ sở thời điểm hiện tại 1.490.000 đồng.

Với số tiền lương là:  $(\text{hệ số } 1,86 + \text{khu vực } 0,7) \times 1.490.000\text{đ} \times 50 \text{ tháng} = 190.720.000 \text{ đồng}$  (một trăm chín mươi triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

- Phụ cấp trách nhiệm mức 0,55/quý là:  $1,86 \times 1.490.000\text{đ} \times 0,55/\text{quý} \times 16 \text{ quý} + (02 \text{ tháng}) = 25.404.500 \text{ đồng}$  (hai mươi năm triệu bốn trăm linh bốn nghìn năm trăm đồng).

Tổng cộng tiền lương và phụ cấp là: 216.124.500 đồng (hai trăm mười sáu triệu một trăm hai mươi tư nghìn năm trăm đồng).

- Yêu cầu truy đóng bảo hiểm xã hội cho ông như sau:

+ Đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2005 đến tháng 12/2009 theo hệ số lương 1,86 là 50 tháng, mức đóng 17,5%; với số tiền là:  $(1,86 \times 1.490.000đ \times 17,5\%) \times 50 \text{ tháng} = 24.249.750 \text{ đồng}$  (*hai mươi bốn triệu hai trăm bốn chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng*).

+ Hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội mức 1/3 theo Quyết định số 1852/QĐ-CT ngày 07/12/2012 của UBND huyện theo hệ số 1,0 tính theo mức lương cơ sở thời điểm hiện tại 1.490.000 đồng, thời gian từ tháng 7/2010 đến tháng 12/2015 (tổng cộng 66 tháng) là:  $1.490.000 \times 22\% \times 1/3 \times 66 \text{ tháng} = 7.207.200 \text{ đồng}$  (*bảy triệu hai trăm linh bảy nghìn hai trăm đồng*).

- Yêu cầu UBND huyện T bồi thường các thiệt hại liên quan gồm chi phí gửi đơn khiếu nại, chi phí hỗ trợ pháp lý, chi phí đi lại thực hiện việc khiếu nại, khởi kiện với tổng số tiền là: 5.784.433 đồng (*năm triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng*).

**2. Tại văn bản số 737/UBND-NV ngày 25/8/2021 của UBND huyện T, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm bà Đặng Thị Thanh H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:**

Ông Vũ Văn L được bổ nhiệm chức danh Phó Chỉ huy trưởng quân sự thị trấn T từ tháng 5/2005 đến tháng 12/2019, thực hiện theo các văn bản hướng dẫn về chi trả chế độ tiền lương, phụ cấp, UBND huyện T đã ban hành các quyết định và chỉ đạo các ngành chức năng chi trả đúng theo quy định. Năm 2012 ông L đã gửi đơn khiếu nại đến nhiều cấp, nhiều ngành nhưng các cơ quan đều có văn bản trả lời là việc chi trả của UBND huyện T là đúng theo các văn bản quy định và hướng dẫn của cấp trên. Do đó, UBND huyện T không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông L.

Ngày 18/3/2022, UBND huyện T nộp đơn "*Đề nghị áp dụng thời hiệu*", đề nghị Tòa án xem xét: Ông L đã nhận được các quyết định của UBND huyện ngay sau khi được ban hành, nhưng ông không khiếu nại hay khởi kiện, từ năm 2012 ông L bắt đầu khiếu nại và UBND huyện T đã có nhiều văn bản trả lời không chấp nhận khiếu nại, các ngành cấp tỉnh và UBND tỉnh Điện Biên cũng đã có các văn bản trả lời khiếu nại, trong đó nêu quyết định của UBND huyện T là đúng, khi đó ông L vẫn không thực hiện quyền khởi kiện, đến năm 2020 ông L mới bắt đầu khởi kiện ra Tòa án, như vậy thời gian ông L gửi đơn đến Tòa án là đã hết thời hiệu khởi kiện. Do đó đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện theo khoản 3 Điều 190 của Bộ luật lao động và đình chỉ giải quyết vụ án.

**3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:**

**3.1. Ủy ban nhân dân thị trấn T trình bày:**

Ông Vũ Văn L giữ chức danh Phó chỉ huy quân sự thị trấn T, đối với việc chi trả lương và các chế độ cho ông L, UBND thị trấn T chỉ chấp hành theo các văn bản chỉ đạo của cấp trên.

### **3.2. Bảo hiểm xã hội huyện T trình bày:**

Đối với yêu cầu được truy đóng bảo hiểm xã hội của ông L từ tháng 11/2005 đến tháng 12/2009, ông L với chức danh Phó chỉ huy trưởng quân sự cấp xã là cán bộ không chuyên trách và không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; Về việc hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội từ nguồn ngân sách địa phương (hỗ trợ mức 1/3), tại Nghị định số: 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 cũng không quy định Phó chỉ huy trưởng quân sự cấp xã thuộc đối tượng tham gia và phải đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, do đó nếu ông tham gia thì là đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện; từ năm 2010 đến tháng 11/2012 Bảo hiểm xã hội huyện T không nhận được hồ sơ đăng ký đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện của ông Vũ Văn L nên ông chưa được đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện và không có quy định nào cho phép thực hiện truy đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện.

**Tại Bản án lao động sơ thẩm số 01/2022/LĐ-ST ngày 22/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 184, điểm e khoản 1 điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 188, 190 của Bộ luật Lao động năm 2019;
- Căn cứ điểm a, đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:** Đình chỉ giải quyết vụ án, đình chỉ các yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn L về việc yêu cầu UBND huyện T thanh toán tiền lương và phụ cấp trách nhiệm từ tháng 11/2005 đến 31/12/2009 là 216.124.500 đồng (*hai trăm mười sáu triệu một trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm đồng*); Yêu cầu truy đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2005 đến tháng 12/2009 là 24.249.750 đồng (*hai mươi bốn triệu hai trăm bốn chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng*); yêu cầu hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội mức 1/3 theo Quyết định số 1852/QĐ-CT ngày 07/12/2012 của UBND huyện thời gian từ tháng 7/2010 đến tháng 12/2015 số tiền 7.207.200 đồng (*bảy triệu hai trăm linh bảy nghìn hai trăm đồng*); Yêu cầu UBND huyện bồi thường các thiệt hại liên quan gồm chi phí gửi đơn khiếu nại, chi phí hỗ trợ pháp lý, chi phí đi lại thực hiện việc khiếu nại, khởi kiện với số tiền là: 5.784.433 đồng (*năm triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/3/2022 ông Vũ Văn L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án lao động số: 01/2021/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Vũ Văn L giữ nguyên nội dung kháng cáo. Ông L cho rằng: Tại quyết định phúc thẩm số 01/2021/QĐ-PT ngày 09/11/2021 của TAND tỉnh Điện Biên đã khẳng định chưa hết thời hiệu khởi kiện. Do đó bản án

số 01/2022/LĐ-ST ngày 22/3/2022 xác định thời hiệu khởi kiện đã hết là không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông L.

***Đại diện VKSND tỉnh Điện Biên nhận xét quá trình giải quyết vụ án:***

Ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về kháng cáo: Nguyên đơn ông Vũ Văn L kháng cáo đúng thời hạn. Ông L kiến nghị, khiếu nại về tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội đã được UBND huyện giải quyết và có trả lời cuối cùng vào năm 2013, Bảo hiểm xã hội huyện T trả lời đơn đề nghị truy đóng bảo hiểm xã hội vào năm 2012, UBND tỉnh đã chỉ đạo và có các văn bản trả lời khiếu nại từ năm 2013 đến năm 2015, đến năm 2020 ông L mới nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Như vậy, thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu thanh toán tiền lương và truy đóng bảo hiểm xã hội của ông Vũ Văn L đã hết mà không vì lý do bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Đối với yêu cầu UBND huyện bồi thường các thiệt hại gồm chi phí gửi đơn khiếu nại, chi phí hỗ trợ pháp lý qua mạng internet, chi phí đi lại thực hiện việc khiếu nại, khởi kiện với tổng số tiền là: 5.784.433 đồng, đây chỉ là chi phí của ông L để ông tự thực hiện quyền của cá nhân ông, không phải là thiệt hại do UBND huyện T gây ra cho ông, đối chiếu với khoản 1 Điều 584 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 17 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì yêu cầu này không phải là yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, cũng không phải là yêu cầu bồi thường thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính Nhà nước, nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 588 Bộ luật dân sự 2015 cũng như Điều 6 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Quan hệ dân sự này chưa được pháp luật quy định, cũng không có tập quán hay án lệ để giải quyết, nên cần áp dụng lẽ công bằng theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Bộ luật dân sự 2015. Theo đó, yêu cầu thanh toán tiền lương và truy đóng bảo hiểm xã hội đã hết thời hiệu khởi kiện và phải đình chỉ xem xét giải quyết, thì yêu cầu "bồi thường các thiệt hại liên quan" cũng phải đình chỉ xem xét giải quyết. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2022/LĐ-ST ngày 22/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện T; căn cứ điểm a, đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 đề nghị HĐXX miễn toàn bộ án phí DSPT cho ông L.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

**[1]. Về tố tụng:**

[1.1]. Về thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động:

Tranh chấp tiền lương giữa ông Vũ Văn L và UBND huyện T là tranh chấp phải thông qua thủ tục hòa giải trước khi khởi kiện tại Tòa án, theo quy

định tại khoản 1 Điều 32 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 201 của Bộ luật lao động.

Trước khi khởi kiện, ông L đã yêu cầu hòa giải viên lao động huyện T tiến hành hòa giải, tuy nhiên tại văn bản số 240/CV-PLĐTBXH ngày 13/12/2020 của Phòng Lao động Thương binh và xã hội huyện T trả lời: *“Phòng Lao động Thương binh và xã hội hiện nay chưa có hòa giải viên đủ điều kiện để thực hiện công việc hòa giải tranh chấp lao động...Đơn đề nghị về việc hòa giải tranh chấp lao động đã hết thời gian để thực hiện hòa giải viên, Phòng Lao động Thương binh và xã hội không thể thực hiện hòa giải theo nội dung đơn đề nghị của ông L”*.

Tại văn bản số 30/CV-PLĐTBXH ngày 02/02/2021 của Phòng Lao động Thương binh và xã hội huyện T trả lời: *“Không thể thực hiện được việc hòa giải tranh chấp lao động (do không có hòa giải viên) nên không làm được biên bản hòa giải theo yêu cầu của ông L”*.

Tại văn bản số: 750/SLĐTB&XH-TLBHXXH ngày 23/4/2021 Sở Lao động Thương binh và Xã hội trả lời ông L: *“Hiện nay chưa có hòa giải viên cấp cơ sở đủ điều kiện thực hiện hòa giải theo quy định”*.

Như vậy, việc không hòa giải được là do khách quan, thuộc trường hợp *“không hòa giải trong thời hạn do pháp luật quy định”*. Do đó, ông Vũ Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[1.2]. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn L, Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về tiền lương, bảo hiểm xã hội và yêu cầu bồi thường thiệt hại về kinh tế và áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/3/2022 ông Vũ Văn L gửi đơn kháng cáo trong hạn luật định nên việc kháng cáo hợp lệ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Người đại diện của Bị đơn và Người quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án (trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa). Tuy nhiên, những người này đều đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Khoản 3 Điều 296 của BLTTDS, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt họ.

**[2]. Về nội dung kháng cáo:** Nguyên đơn ông Vũ Văn L yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án lao động sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

**[2.1]. Xét về yêu cầu thanh toán tiền lương và phụ cấp trách nhiệm, truy đóng bảo hiểm xã hội.**

Ông Vũ Văn L được bổ trí chức vụ Phó Chỉ huy trưởng quân sự thị trấn T từ tháng 5 năm 2005 theo Quyết định số: 336/QĐ-CT ngày 22/4/2005 UBND huyện T xếp lương cho ông L được hưởng hệ số 1,86 theo Nghị định số: 204/2004/NĐ-CP từ ngày 01/5/2005.

Thực hiện theo Nghị định số:121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn (tại Điểm c khoản 3 Điều 2 quy định: *Cán bộ không chuyên trách cấp xã gồm: c, Phó Chỉ huy trưởng quân sự*; Thông tư liên tịch số: 82/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 10/8/2005 của Bộ Nội vụ- Bộ Tài chính (*Cán bộ không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn và tổ dân phố không thuộc đối tượng xếp lương mà thuộc đối tượng hưởng phụ cấp hàng tháng do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn*); Công văn số: 538/NV-XDCQ ngày 15/9/2005 của Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên về việc thực hiện chế độ chính sách đối với xã đội (*Riêng chức danh xã đội phó thực hiện chế độ phụ cấp đối với các bộ không chuyên trách cấp xã theo quy định tại Điều 7 Nghị định 121/2003/NĐ-CP*), ngày 26/10/2005 Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số: 1433/QĐ-CT về việc bố trí và tạm thời xếp phụ cấp cho cán bộ không chuyên trách cấp xã, thị trấn, theo đó ông L được xếp phụ cấp theo Quyết định số: 1026/QĐ-UBND ngày 06/9/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, mức phụ cấp 210.000 đồng/1 tháng kể từ ngày 01/5/2005 và thu hồi tiền lương, các khoản phụ cấp khác mà ông L đã được hưởng từ 01/5/2005.

Tháng 12/2005, ông L đã nộp lại 01 tháng tiền lương và phụ cấp bị truy thu với số tiền là 255.000 đồng (hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Sau đó, tại biên bản số:1599/BB-SNV ngày 19/10/2015 của Sở Nội vụ về việc thống nhất phương án giải quyết đơn đề nghị của ông Nguyễn Văn L, thị trấn T, huyện T, theo đó, ông L không phải nộp lại các khoản tiền lương và phụ cấp theo Quyết định số: 1433/QĐ-CT.

Ông L đã thực hiện Quyết định số: 1433/QĐ-CT, ngày 26/10/2005 Ủy ban nhân dân huyện T từ tháng 11/2005 đến năm 2011 mà không có kiến nghị hay khiếu nại gì.

Đến năm 2012, ông L có đơn khiếu nại gửi đến các cơ quan từ thị trấn, huyện, tỉnh đến bộ, ban, ngành Trung ương. Các văn bản trả lời ông L đều có nội dung khẳng định việc Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định số: 1433/QĐ-CT ngày 26/10/2005 là đúng quy định.

Ngày 26/11/2012 phòng Nội vụ huyện T có ban hành văn bản số: 33/PNV-XDCQĐP về việc trả lời đơn đề nghị của ông Vũ Văn L- Chỉ huy phó BCHQS thị trấn T với nội dung: Ông L thuộc đối tượng cán bộ không chuyên trách cấp xã, được hưởng chế độ phụ cấp và không thuộc diện đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Công văn này ông L đã được nhận (BL 54).

UBND huyện T đã có nhiều văn bản trả lời ông L, cụ thể: Văn bản số: 166/UBND-NV ngày 13/8/2013; văn bản số: 249/UBND-TTTr ngày 28/10/2013; văn bản số: 288/UBND-NV ngày 26/11/2013. Nội dung các văn bản đều trả lời ông L là cán bộ không chuyên trách cấp xã, được hưởng phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách và không thuộc diện đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, nếu ông tham gia đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện thì huyện hỗ trợ mức đóng 1/3 theo quyết định

số: 1852/QĐ-CT ngày 07/12/2012 của UBND huyện, nhưng do ông L không thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện nên UBND huyện T không hỗ trợ đóng bảo hiểm cho ông (Văn bản số: 114/BHXH-BPThu ngày 18/12/2012 của Bảo hiểm xã hội huyện T về việc đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện). Các văn bản này ông L đều đã nhận (BL từ 58 đến 60 do ông L giao nộp).

Ông L tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến nhiều sở, ngành. Tại các Văn bản trả lời số: 790/BCH-DQ ngày 14/5/2013 và văn bản số: 1324/BCH-TTr ngày 09/7/2014 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh; văn bản số: 279/SNV-CQĐP ngày 20/3/2014 của Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên; Biên bản số: 1599/BB-SNV ngày 19/10/2015 của liên ngành Sở Nội vụ, Thanh tra tỉnh Điện Biên, Bộ CHQS tỉnh Điện Biên, Văn phòng UBND tỉnh Điện Biên, UBND huyện T đều có nội dung khẳng định: Ông Vũ Văn L là Phó Chỉ huy quân sự cấp xã - là cán bộ không chuyên trách nên được hưởng chế độ phụ cấp hàng tháng theo quy định tại Điều 7 Nghị định 121/2003/NĐ-CP, đồng thời khẳng định các quyết định của UBND huyện T về giải quyết chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội cho ông L là đúng quy định.

Tại công văn số 1342/BTM-PDQ ngày 08/5/2015 của Bộ tham mưu Bộ Tư lệnh Quân khu II và tại công văn số 2846/BNV-CQDC ngày 30/6/2015 của Bộ Nội vụ đã trả lời: Ông Vũ Văn L là cán bộ không chuyên trách cấp xã được hưởng chế độ phụ cấp hàng tháng theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 2 và Điều 7 Nghị định 121/2003/NĐ-CP là đúng.

Tại các văn bản số: 1711/UBND-NC ngày 29/6/2018 và 2859/UBND-BTCD ngày 08/10/2018 của UBND tỉnh Điện Biên đã trả lời: Yêu cầu ông Vũ Văn L thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, chấm dứt khiếu kiện kéo dài.

Như vậy, những vấn đề ông Vũ Văn L kiến nghị, khiếu nại về tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội đã được UBND huyện T, Bảo hiểm xã hội huyện T, UBND tỉnh Điện Biên, cùng nhiều cơ quan, ngành có văn bản trả lời từ năm 2012 đến năm 2016. Tuy nhiên, sau khi nhận được các văn bản này, ông L không nhất trí nhưng cũng không thực hiện quyền khởi kiện tại Tòa án.

Đến năm 2020 ông Vũ Văn L nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định số 1433/QĐ-CT đến Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, Tòa án nhân dân tỉnh đã thụ lý vụ án hành chính ngày 13/4/2020 và đình chỉ vụ án do thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết. Từ ngày 07/10/2020 ông L bắt đầu gửi đơn khởi kiện vụ án lao động tại TAND huyện T.

Tại khoản 2 Điều 202 của Bộ luật lao động năm 2012; khoản 3 Điều 190 của Bộ luật lao động năm 2019 quy định: *“Thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động cá nhân là 01 năm, kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà mỗi bên tranh chấp cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm”*.

Theo quy định tại Điều 131 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006 và Điều 119 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định: *Người lao động có quyền lựa chọn hoặc là khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền hoặc khởi kiện vụ án tại Tòa án. Nếu cơ quan có thẩm quyền có quyết định giải quyết khiếu nại mà người lao động không đồng ý hoặc quá thời hạn mà không được giải quyết thì người lao động có quyền khởi kiện ra Tòa án.*



Như vậy, ông L biết quyền lợi về Tiền lương, bảo hiểm xã hội bị xâm phạm từ tháng 10/2005 là thời điểm ông L nhận được Quyết định số: 1433/QĐ-CT, nhưng đến năm 2012 ông L mới bắt đầu thực hiện việc kiến nghị, khiếu nại đến nhiều cơ quan, sở, ngành; văn bản trả lời cuối cùng là của UBND tỉnh Điện Biên số: 2859/UBND-BTCD ngày 08/10/2018 đã yêu cầu ông L chấm dứt khiếu nại kéo dài. Trong khoảng thời gian đó ông L không gửi đơn khởi kiện đến Tòa án. Đến năm 2020 ông L mới thực hiện quyền khởi kiện tại Tòa án các cấp là đã hết thời hiệu khởi kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, ông L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc không thể khởi kiện tại Tòa án đúng thời hiệu là do có sự kiện bất khả kháng hay có trở ngại khách quan.

Trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, Bị đơn là UBND huyện T có văn bản yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu. Căn cứ vào quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 217 của BLTTDS “*Đương sự có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện đã hết*”, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông L về tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

### ***[2.2.]. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại:***

Ông Vũ Văn L yêu cầu UBND huyện T bồi thường các thiệt hại liên quan gồm chi phí gửi đơn khiếu nại, chi phí hỗ trợ pháp lý, chi phí đi lại thực hiện việc khiếu nại, khởi kiện với tổng số tiền là 5.784.433 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L cho rằng số tiền chi phí trên bao gồm: Chi phí hỗ trợ pháp lý, chi phí in ấn tài liệu và gửi đơn khiếu nại, đơn khởi kiện, chi phí tiền vé xe, tiền thuê phòng ngủ trong thời gian đi khiếu nại từ năm 2012 đến năm 2018 và giai đoạn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án tỉnh Điện Biên năm 2020 (Các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho các chi phí này, ông L chưa cung cấp cho Tòa án các cấp).

Xét thấy: Từ năm 2012 đến năm 2018 ông L gửi đơn khiếu nại, kiến nghị đến nhiều cơ quan, nhiều ngành, nhiều cấp nhưng nội dung khiếu nại, kiến nghị không đúng, không có căn cứ, nên kết quả giải quyết của các cơ quan này đều không chấp nhận khiếu nại, kiến nghị của ông L; năm 2020 ông L khởi kiện vụ án hành chính, Tòa án đã đình chỉ giải quyết do hết thời hiệu khởi kiện. Do đó, khẳng định UBND huyện T không có hành vi trái pháp luật trong giải quyết chế độ tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội cho ông L và cũng không có lỗi trong việc gây ra thiệt hại về các khoản chi phí này cho ông L. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện về bồi thường không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng yêu cầu bồi thường đã hết thời hiệu giải quyết tại Tòa án, do đó HĐXX cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết về phần này là chưa chính xác. Yêu cầu bồi thường chi phí hỗ trợ pháp lý, chi phí đi lại thực hiện việc khiếu nại, khởi kiện của ông L là “Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”, do đó cần phải áp dụng thời hiệu quy định tại Điều 588 Bộ luật Dân sự 2015 “Thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm

phạm”. Tuy nhiên về bản chất thì yêu cầu bồi thường của ông L không có cơ sở nên không được chấp nhận; việc đình chỉ yêu cầu này không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông L. Do đó, HĐXX phúc thẩm chỉ rút kinh nghiệm đối với Tòa án cấp sơ thẩm và sửa một phần tuyên án về bồi thường cho đúng quy định của pháp luật.

[3]. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên thấy rằng: Kháng cáo của ông Vũ Văn L có căn cứ một phần nên được chấp nhận. Đề nghị của Đại diện VKSND tỉnh Điện Biên về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Áp dụng khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự: HĐXX phúc thẩm chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Vũ Văn L, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/LĐ-ST ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T.

[4]. Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông Vũ Văn L được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần nên theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Vũ Văn L.

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/LĐ-ST ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T. Cụ thể như sau:

- Căn cứ khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 184, điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 188, 190 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 588 của Bộ luật Dân sự 2015

- Căn cứ điểm a, đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15; điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

- Đình chỉ giải quyết vụ án, đình chỉ các yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn L về việc yêu cầu UBND huyện T thanh toán tiền lương và phụ cấp trách nhiệm từ tháng 11/2005 đến 31/12/2009 là 216.124.500 đồng (*hai trăm mười sáu triệu một trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm đồng*); yêu cầu truy đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2005 đến tháng 12/2009 là 24.249.750 đồng (*hai mươi bốn triệu hai trăm bốn chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng*); yêu cầu hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội mức 1/3 theo Quyết định số 1852/QĐ-CT ngày 07/12/2012 của UBND huyện

thời gian từ tháng 7/2010 đến tháng 12/2015 số tiền 7.207.200 đồng (*bảy triệu hai trăm linh bảy nghìn hai trăm đồng*).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn L về việc buộc UBND huyện bồi thường các thiệt hại liên quan gồm chi phí gửi đơn khiếu nại, chi phí hỗ trợ pháp lý, chi phí đi lại thực hiện việc khiếu nại, khởi kiện với số tiền là: 5.784.433 đồng (*năm triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng*).

2. Về án phí: Ông Vũ Văn L được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (16/8/2022).

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND huyện T;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐÃ KÝ**

**Hoàng Thị Hòa**